TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 25, 19 – 23/06/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

''Chứng khoán thế giới kém lạc quan trước triển vọng kinh tế ''

Chứng khoán Mỹ có một tuần giảm điểm do Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Jerome Powell nói với Quốc hội Hoa Kỳ rằng việc tăng lãi suất hơn nữa là cần thiết để giảm lạm phát.

Chứng khoán Châu Âu Stoxx600 giảm -2.6%. Ngân hàng Trung ương Anh và Ngân hàng Na Uy đã tăng lãi suất 50 điểm cơ bản, lớn hơn dự kiến của hầu hết các nhà phân tích, trong khi Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ tiếp tục tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản.

Các thị trường ở châu Á-Thái Bình Dương kém lạc quan với tuần giao dịch ngắn. Tỷ lệ lạm phát cơ bản của Nhật Bản trong tháng 5 đã giảm nhẹ xuống 3.2% nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của BOJ. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã hạ lãi suất cơ bản cho khoản vay một năm và năm năm xuống 10 điểm cơ bản vào thứ Ba, nhằm chống lại sự suy giảm tăng trưởng hậu COVID-19.

Dầu thô WTI đã giảm xuống dưới 69 USD/thùng trong tuần và giảm hơn 4% trong tuần này do việc thắt chặt tiền tệ hơn nữa và thông điệp từ các ngân hàng trung ương lớn làm ảnh hưởng đến triển vọng của nền kinh tế toàn cầu và nhu cầu năng lượng. Trong khi đó, dữ liệu của EIA cho thấy tồn kho dầu thô của Mỹ bất ngờ giảm 3.8 triệu thùng trong tuần trước.

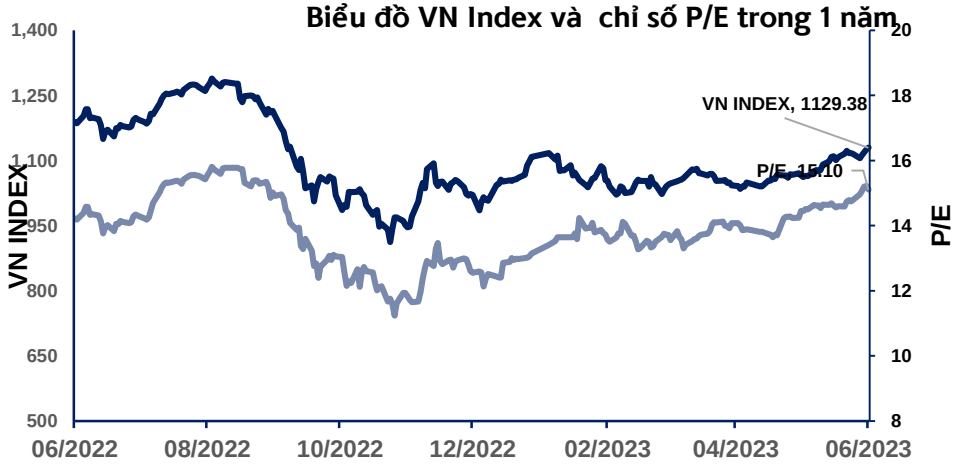
Chứng khoán Việt Nam: Thị trường Việt Nam có một tuần giao dịch lạc quan, tăng 1.27% (14.16 điểm) đóng cửa tuần mức 1,1129.38. Thị trường cố gắng vượt đỉnh nhưng thiếu sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu lớn nên chưa thật sự có phiên bùng nổ. Nhóm cổ phiếu bất động sản nổi bật với nhiều mã tăng mạnh trong khoảng 2 tuần qua.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số sẽ tiếp tục sideway quanh vùng kháng cự mạnh 1,125 điểm. Trên đồ thị tuần, MACD cho thấy động lượng giá vẫn đang trên đà tăng, lực mua cũng tăng dần đều. RSI đang có xu hướng tiến về cùng quá mua. Hiện tại, chỉ số đang chạm upper band của Bollinger Band là một điểm đáng lưu ý. Nhà đầu tư hạn chế giải ngân với tỉ trọng lớn để giảm rủi ro và chờ thị trường có nhịp điều chỉnh để có điểm mua hợp lí.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,129	1.3	6.0	8.1	12.1		15.4	1.7	191
Upcom Index	86	1.3	5.8	12.5	19.6		12.6	1.3	44
HNX Index	232	1.4	7.3	13.9	12.8		29.3	1.3	11
VN30 Index	1,127	1.6	5.5	7.7	12.1		12.6	1.7	136
S&P 500 Index	4,382	-0.6	5.7	11.0	14.1		21.0	4.2	38,226
STOXX Europe 600 Index	455	-2.6	-2.4	1.9	7.1		13.3	1.7	13,412
Hang Seng	18,890	-5.7	-4.0	-3.6	-4.5		9.8	1.0	2,818
Nikkei 225	32,782	-2.7	5.9	19.6	25.6		32.5	2.0	4,074
SHCOMP Index	3,198	-2.3	-3.0	-2.1	3.5		14.3	1.4	6,544
STI Index	3,194	-2.0	-0.7	-0.8	-1.8		13.0	1.1	372
KOSPI Index	2,570	-2.1	0.1	6.0	14.9		15.3	1.0	1,525

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trí Võ
(84-28) 90 992 6972
tri.vo@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.0	5.6	10.8	-0.2	9.5	39.9	68.4	-0.6	12.7	1.8	3,889,730
Mid Cap	3.0	8.8	22.8	5.3	5.5	33.9	29.3	1.3	19.9	1.2	539,870
Small Cap	1.4	7.4	17.8	-22.3	-22.0	17.8	2.2	-0.7	35.5	0.7	71,485

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài nguyên cơ bản	7.0	15.4	38.6	-3.1	9.1	40.8	8.9	-0.4	6.9	1.2	194,096
Hóa chất	5.8	14.6	18.5	-3.1	4.7	55.1	4.7	-0.2	9.1	1.1	155,140
Xây dựng và vật liệu	4.3	9.8	34.0	17.5	8.5	51.0	8.9	1.3	29.8	1.1	117,625
Bán lẻ	4.3	13.3	3.6	-25.7	-8.6	14.4	2.0	-0.7	23.4	1.1	86,209
Tài chính	3.8	15.9	54.8	1.4	7.1	34.4	15.5	0.1	39.0	1.2	145,305
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	3.4	9.5	16.5	-2.0	6.2	59.7	5.1	-0.1	12.5	1.1	122,294
Du lịch và Giải trí	2.6	2.6	-7.0	-5.8	2.7	52.9	0.9	-0.1	n.a	1.0	94,496
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.6	6.3	-2.1	1.3	18.3	49.3	1.2	0.0	11.5	1.1	50,758
Thực phẩm và đồ uống	2.4	3.9	-7.5	-4.7	13.2	47.3	8.1	-0.5	24.6	1.0	457,825
Bảo hiểm	1.5	1.0	0.1	34.3	61.9	127.8	0.5	0.1	17.7	1.0	45,509
Dầu khí	0.9	0.3	21.7	34.5	26.4	50.7	1.3	0.3	33.4	1.0	61,072
Công nghệ Thông tin	0.8	4.5	11.7	9.6	4.5	36.4	0.7	0.1	18.0	1.0	107,627
Tiện ích	0.1	1.7	3.8	-9.1	-15.7	2.7	1.5	-0.2	11.9	1.0	316,207
Ô tô & Phụ tùng	0.1	3.8	3.5	-6.9	1.6	13.8	0.4	0.0	11.3	1.0	13,849
Bất động sản	0.1	3.9	8.9	1.6	11.0	34.4	21.6	0.2	6.9	1.0	818,399
Ngân hàng	-0.1	5.5	18.3	1.2	2.5	28.0	18.3	0.1	8.7	1.1	1,609,037
Dược và Y tế	-0.3	8.5	23.7	-25.4	-7.1	15.0	0.2	-0.1	14.5	1.1	37,703
Truyền thông	-4.5	6.2	49.3	-10.1	-15.9	18.4	0.0	0.0	19.0	1.1	1,316

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,759**	**-10.2**	**-26.4**	**-67.9**	**224.2**
Nước ngoài	**2,604**	**-12.1**	**-20.4**	**-46.0**	**224.4**
VanEck Vectors Vietnam ETF	550	0.0	7.9	-21.4	72.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	862	0.0	-0.8	32.3	70.9
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	651	-13.0	-37.2	-68.9	59.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	361	0.8	5.6	10.5	63.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	148	0.0	4.1	1.5	-43.7
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.0	0.0	0.0	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.0	0.0	0.0	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,154**	**2.0**	**-6.0**	**-21.9**	**-0.2**
DCVFMVN Diamond ETF	599	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	352	1.1	-8.1	-20.8	-1.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	163	0.8	2.2	-1.6	1.3
MAFN VN30 ETF	26	0.0	-0.2	-0.1	-0.4
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.0	0.6	0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-8,437	48,189	48,189
Ấn độ	1,600	3,147	10,079	7,596
Indonesia	-70	-259	678	1,124
Nhật Bản*	3,773	17,644	69,858	49,317
Maylaysia	-31	-193	-409	-832
Philippines	2	137	137	137
Hàn Quốc	-1,206	-586	3,144	8,614
Sri Lanka	0	-3	-1	0
Đài Loan	-24	2,589	5,241	13,211
Thái Lan	-124	-280	-1,478	-3,124
Việt Nam	-48	-10	-237	-19

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

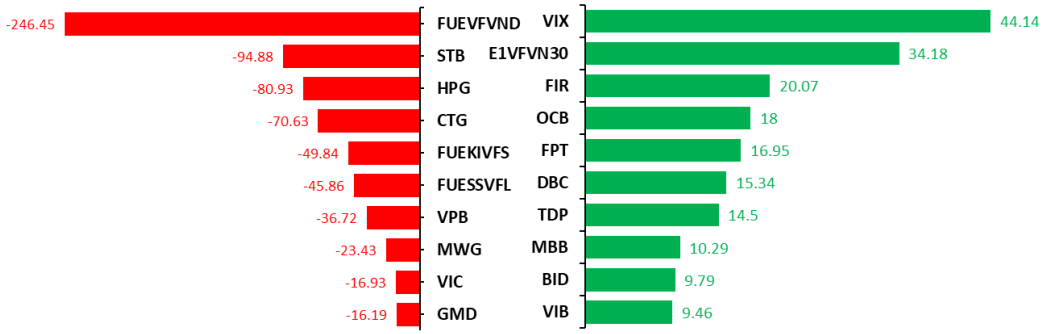
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

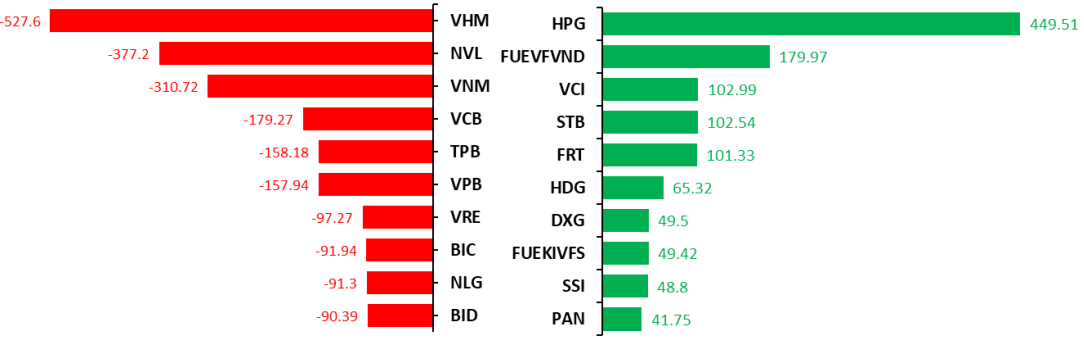
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-15	-930	1,179	-249
Tài nguyên Cơ bản	-96	340	-496	155
Truyền thông	0	-1	1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-20	28	13	-41
Y tế	0	3	-6	3
Hóa chất	-21	26	-8	-18
Dịch vụ tài chính	-272	338	-185	-154
Du lịch và Giải trí	-8	-40	31	8
Ngân hàng	-178	-314	710	-396
Xây dựng và Vật liệu	-5	11	197	-208
Thực phẩm và đồ uống	-6	-297	314	-17
Bán lẻ	-24	99	-66	-34
Điện, nước & xăng dầu khí đố	-5	-54	88	-34
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7	-50	37	13
Công nghệ Thông tin	17	-1	34	-33
Ô tô và phụ tùng	0	4	-7	2
Bảo hiểm	-1	-40	71	-31
Dầu khí	8	-2	-42	44
Tổng	-632	-878	1,868	-989

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.54 - 7.89	5.1	-8.21%
2	HVX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.31 - 4.90	4.0	-7.67%
3	LBM	Xây dựng và Vật liệu	37.50 - 52.30	46.4	-6.92%
4	TTB	Xây dựng và Vật liệu	2.07 - 5.32	2.7	-6.51%
5	PSH	Sản xuất nông nghiệp	3.84 - 15.50	13.1	-6.09%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.00%	22.5	11.85 - 22.90	Du lịch và Giải trí	VNS
22.60%	116.1	48.55 - 123.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PDN
20.40%	29.8	6.73 - 30.70	Công nghệ Thông tin	ST8
16.34%	15.0	5.28 - 15.25	Dịch vụ tài chính	AGR
14.76%	29.8	2.73 - 8.70	Bất động sản	PTL

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BKC	Tài nguyên Cơ bản	5.10 - 11.00	7.0	-18.60%
2	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.70 - 90.80	48.7	-16.75%
3	KKC	Tài nguyên Cơ bản	4.50 - 18.20	6.2	-16.22%
4	STC	Truyền thông	15.30 - 30.80	18.9	-16.00%
5	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.50 - 29.10	21.9	-15.77%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.18%	10.6	2.50 - 10.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	CET
27.13%	16.4	10.70 - 30.50	Thực phẩm và đồ uống	KHS
17.88%	38.9	28.60 - 45.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HJS
17.54%	40.2	21.70 - 42.30	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BTW
15.65%	26.6	21.20 - 26.90	Xây dựng và Vật liệu	DNP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.00 - 89.50	45.5	-39.41%
2	PJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.00 - 53.00	23.8	-27.22%
3	NGC	Thực phẩm và đồ uống	5.20 - 16.60	5.2	-25.71%
4	CCM	Xây dựng và Vật liệu	31.90 - 65.00	45.0	-23.73%
5	DXL	Du lịch và Giải trí	2.30 - 15.50	8.2	-23.36%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
101.00%	580.1	13.50 - 580.10	Xây dựng và Vật liệu	XDC
83.33%	8.8	2.00 - 8.80	Thực phẩm và đồ uống	PCF
45.65%	13.4	7.70 - 13.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MTS
41.00%	28.2	12.60 - 42.00	Thực phẩm và đồ uống	HAF
31.16%	18.1	6.30 - 18.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SCY

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	VNS	Ánh Dương Việt Nam	Du lịch và Giải trí	2,519.6	3,448.8	22.5	11.85 - 22.90	25.0
2	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	18,571.9	399.0	29.2	20.35 - 32.00	-1.5
3	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50,837.6	78.8	35.0	27.05 - 43.15	8.0
4	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10,651.4	78.0	31.5	17.05 - 32.30	7.7
5	AGG	Bất động sản An Gia	Bất động sản	13,848.6	71.1	29.9	26.64 - 36.27	5.5
6	NBB	577 CORP	Bất động sản	10,912.2	68.2	15.9	11.30 - 22.40	8.6
7	KSB	Khoáng sản Bình Dương	Tài nguyên Cơ bản	98,705.6	60.1	30.0	11.65 - 30.45	13.9
8	VNE	Xây dựng điện Việt Nam	Xây dựng và Vật liệu	4,553.9	55.2	12.7	8.41 - 13.00	3.7
9	HT1	VICEM Hà Tiên	Xây dựng và Vật liệu	24,769.9	49.6	16.2	6.95 - 17.40	10.2
10	VNM	VINAMILK	Thực phẩm và đồ uống	377,776.9	41.6	69.1	65.50 - 85.60	4.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

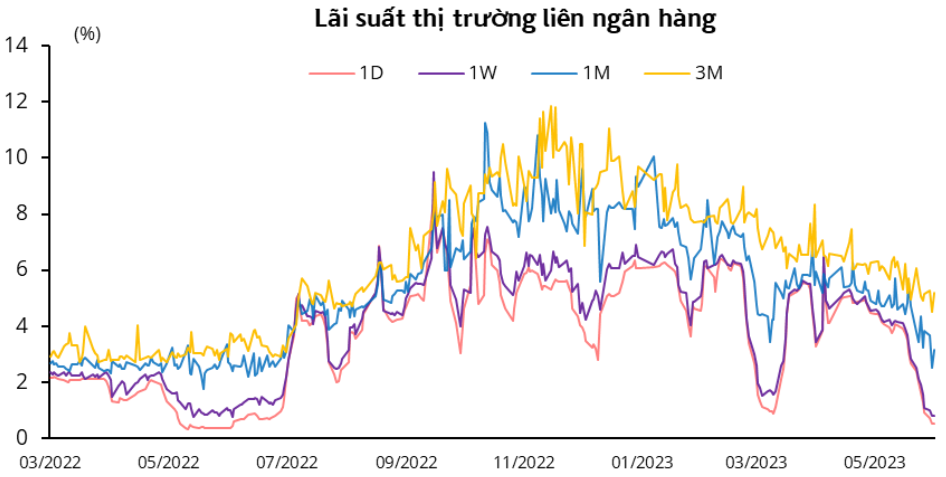
WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

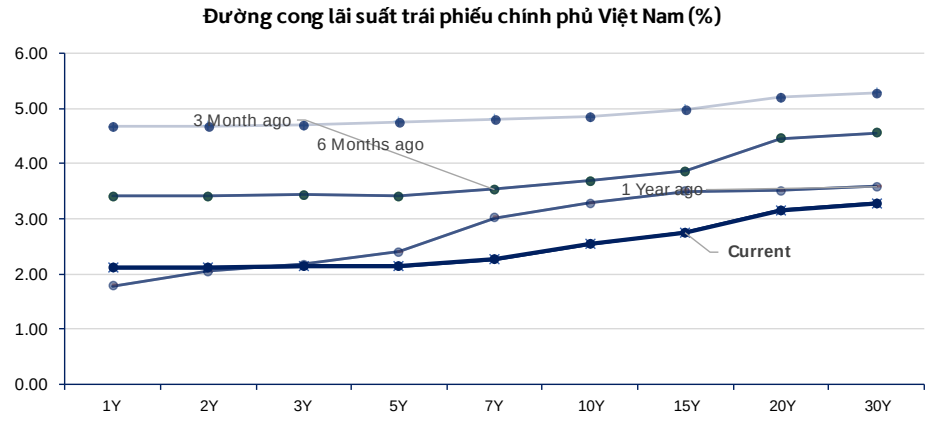
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.03	0.89	-0.45	0.48	-0.48	
VND/USD	23,526	-0.04	0.21	-0.06	-0.45	
KRW/USD	1,304.25	2.51	-0.63	2.04	3.06	
JPY/USD	143.05	0.87	3.22	9.32	9.10	
EUR/USD	0.92	0.72	-0.82	-0.26	-1.41	
SGD/USD	1.35	1.11	0.39	2.01	0.96	
CNY/USD	7.18	0.25	2.10	4.36	4.07	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	68.27	-3.33	-6.36	-2.42	-14.94	
Xăng	250.70	-5.10	-5.83	-3.80	1.93	
Gas	2.58	1.78	11.07	19.68	-42.39	
Than	125.75	-7.50	-21.58	-28.77	-68.89	
Vàng	1,918.63	-2.01	-2.87	-3.75	5.19	
Bạc	22.34	-7.69	-4.73	-3.31	-6.74	
Platinum	927.63	-6.00	-12.16	-6.26	-13.65	
Quặng sắt	112.85	0.09	5.31	-11.65	1.41	
Thép cán	3,873.00	0.10	1.12	-12.00	-6.61	
Lúa mì	730.75	10.47	17.44	10.39	-7.73	
Ngô	646.75	3.77	11.99	2.37	-4.68	





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.11	2.11	2.13	2.14	2.26	2.54	2.76	3.87	4.99
Thay đổi (BPS)*	-10.50	-10.50	-10.00	-8.10	-9.80	-21.50	-15.50	-9.80	-3.40

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.